TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-7-2024
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lý Thị Nhân.
2. Ông Hà Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thuý Tình - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2023, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **BÀN THỊ H**, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 17, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Số nhà 108, tổ dân phố 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Chị H có mặt.

Bị đơn: Anh **ĐỖ MINH T**, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 17, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quan.

Nơi ở: Số nhà 108, tổ dân phố 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Anh T vắng mặt (Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị BÀN THỊ H trình bày: Tôi và anh Đỗ Minh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký

kết hôn ngày 12/6/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Y (nay là phường A, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục cho vợ chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng một thời gian thì ra ở riêng. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn có tranh cãi, chửi nhau; từ năm 2022 đến nay vợ chồng tôi mâu thuẫn căng thẳng hơn. Hiện nay tôi và Anh T đang thuê nhà ở cùng nhau, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tôi và Anh T bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thăng, tình cảm vợ chông không còn, nên tôi có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đề nghị giải quyết cho tôi được ly hôn với Anh T theo pháp luật.

Về con chung tôi và Anh T có 02 người con chung là cháu Đỗ Thị Hà L, sinh ngày 21/11/2002, và cháu Đỗ Đức A, sinh ngày 09/8/2006. Hiện nay cháu L đang đi học chuyên nghiệp ở thành phố Hà Nội, cháu A đang ở với tôi và Anh T. Khi ly hôn, do cháu L đã trưởng thành trên 18 tuổi, có sức khỏe bình thường, nên tôi không yêu cầu giải quyết giao nuôi con chung. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của cháu muốn ở với bố, hoặc mẹ thì giao cháu cho tôi, hoặc Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A theo quy định và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn vì cháu A đã sắp đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung tôi và Anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung tôi và Anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn anh Đỗ Minh T không đến Tòa án làm việc, cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị BÀN THỊ H cung cấp cho Tòa án:

- 01 Giấy trích lục kết hôn số: 100/TLKH-BS, ngày 05/9/2023 mang tên BÀN THỊ H và Đỗ Minh T (bản sao).
- 02 Giấy khai sinh mang tên Đỗ Thị Hà L và Đỗ Đức A (bản sao).
- 02 Căn cước công dân mang tên BÀN THỊ H và Đỗ Minh T (bản sao).
- 01 Xác nhận thông tin về cư trú số 562/XN, ngày 11/9/2023 của Công an phường A, thành phô T, tỉnh Tuyên Quang đối với BÀN THỊ H và Đỗ Minh T (bản chính).
- 01 Bản sao Quyết định số: 1133/QĐ-UBND, ngày 13/6/2008 của UBND tỉnh Tuyên Quang về thay đổi, cải chính hộ tịch (thay đổi lại dân tộc của Đỗ Đức A).

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại tổ dân phố 17, phường A, thành phố T nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị BÀN THỊ H và anh Đỗ Minh T được biết: Chị H và Anh T là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 17, phường A, thành phố T. Chị H và Anh T sau khi kết hôn ở chung với bố mẹ chồng (ông T, bà H) một thời gian thì ra ở riêng trên đất của bố mẹ chồng. Quá trình sinh hoạt ở địa phương Chị H và Anh T không tham gia sinh hoạt, không quan hệ với ai, không đóng góp bất cứ khoản gì theo quy định của địa phương, hằng năm tổ dân phố không bình xét gia đình văn hóa đối với Chị H, Anh T, do vậy vợ chồng Chị H, Anh T có mâu thuẫn hay không

thì không báo cáo nên hàng xóm và tổ dân phố không nắm được. Xác minh bà Trần Thị H là mẹ đẻ ra Anh T được biết: Chị H và Anh T sau khi kết hôn ở chung với gia đình tôi một thời gian thì ra ở riêng trên đất của gia đình tôi cho, sau đó Chị H, Anh T đã bán nhà và đất chuyển đi ở nơi khác tôi không biết. Vợ chồng Chị H, Anh T khi ở cạnh nhà tôi thì không thấy anh chị cãi nhau, mâu thuẫn gì, gia đình và tổ nhân dân chưa lần nào phải hòa giải. Chị H có đơn xin ly hôn với Anh T gia đình không biết, vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Anh T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án và Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Anh T đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án nhân dân thành phố T không tiến hành hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Ý kiến của cháu Đỗ Đức A, sinh ngày 09/8/2006 là khi bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với bố là Đỗ Minh T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tô tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các thủ tục tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là Chị H đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là Anh T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miền, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* *Tuyên xử*: Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị BÀN THỊ H về việc xin ly hôn với bị đơn anh Đỗ Minh T.

* *Về án phí*: - Chị BÀN THỊ H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Đỗ Minh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị BÀN THỊ H và anh Đỗ Minh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/6/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Y (nay là phường A, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục cho vợ chồng, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn Chị H và Anh T sinh sống cùng gia đình nhà chồng một thời gian thì ra ở riêng. Sau ngày kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, nên Chị H có đơn xin ly hôn gửi Toà án giải quyết. Xét thấy đây là vụ án *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của Chị H, căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương và của mẹ đẻ Anh T thấy rằng về quan hệ hôn nhân giữa Chị H và Anh T kể từ sau ngày kết hôn đến nay thực tế vợ chồng vẫn cùng nhau chung sống một nhà, cùng nhau nuôi dạy con cái, không có căn cứ chứng minh rằng Chị H và Anh T có mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên không chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của nguyên đơn Chị H về việc xin ly hôn với bị đơn Anh T theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị H và Anh T có 02 người con chung là cháu Đỗ Thị Hà L, sinh ngày 21/11/2002 và cháu Đỗ Đức A, sinh ngày 09/8/2006. Do không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của Chị H về việc xin ly hôn với Anh T, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với anh Đỗ Minh T quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Anh T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc Chị H xin ly hôn với Anh T theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị BÀN THỊ H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòà án.

- Anh Đỗ Minh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[18] Bị đơn là Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt Anh T theo Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

[19] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Tuyên xử*: Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị BÀN THỊ H về việc xin ly hôn với bị đơn anh Đỗ Minh T.

2. *Về án phí*: - Chị BÀN THỊ H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000000784794; Mã thông báo: FARWR7YKCO, ngày 15 tháng 11 năm 2023, Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam (Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòà án số: 0000219, ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang). Chị BÀN THỊ H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Đỗ Minh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: - Chị BÀN THỊ H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Anh Đỗ Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang.
- UBND phường A (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lý Thị nhân **Hà Hữu Bình** **Trần Anh Tuấn**